BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2141/QĐ-TCT

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2017

CỤC THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
ĐẾN Số: 5157
Ngày: 18/12/17
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình áp dụng quản lý rủi ro trong công tác phân tích thông tin đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, các Luật thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 204/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số 115/2009/QĐ-TTg ngày 28/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính và các văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 2079/QĐ-BTC ngày 09/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc thành lập Ban Quản lý rủi ro trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-BTC ngày 20/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Bộ tiêu chí và chỉ số phân tích thông tin đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý rủi ro thuộc Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình áp dụng quản lý rủi ro trong công tác phân tích thông tin đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thủ trưởng các Vụ, đơn vị tương đương thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chi cục trưởng Chi cục Thuế các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT, QLRR (3b).820

TỔNG CỤC TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH TỔNG CỤC THUẾ

Bùi Văn Nam

CỤC THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG

Số: 507/SY-CT

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Cục;
- Các phòng nghiệp vụ VPC;
- Các Chi cục Thuế trực thuộc;
- Lưu: VT.

SAO Y BẢN CHÍNH

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 12 năm 2017

TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG HCQT-TV-AC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM CỤC THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG TỔNG CỤC THUẾ

Nguyễn Thị Hạnh

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY TRÌNH

Áp dụng quản lý rủi ro trong công tác phân tích thông tin đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2141 /QĐ-TCT ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích

1.1. Hướng dẫn cơ quan thuế thực hiện thu thập, phân tích thông tin đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn theo đúng quy định của pháp luật.

1.2. Chuẩn hoá các nội dung và các bước công việc, tạo sự thống nhất, khách quan trong công tác đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn.

1.3. Góp phần hiện đại hoá công tác đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn, nâng cao khả năng phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp hoặc sử dụng bất hợp pháp hóa đơn nhằm trốn thuế, gian lận thuế, chiếm đoạt tiền từ NSNN, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

2. Phạm vi áp dụng

Quy trình này quy định về trình tự, thủ tục thực hiện áp dụng quản lý rủi ro để đánh giá, phân loại người nộp thuế là doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro trong việc việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn để thực hiện rà soát, kiểm tra và đưa ra biện pháp quản lý phù hợp.

Quy trình được áp dụng cho cơ quan thuế các cấp (Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế).

3. Giải thích từ ngữ

- Tiêu chí: Là các tiêu chuẩn được ban hành làm cơ sở để đánh giá phân loại mức độ rủi ro theo từng thời kỳ. Mỗi tiêu chí có thể bao gồm một hoặc nhiều chỉ số đánh giá.

- Chỉ số tiêu chí: là các chỉ tiêu thông tin mang giá trị của tiêu chí giúp cho việc nhận biết, phân loại mức độ rủi ro. Chỉ số tiêu chí được thể hiện cụ thể bằng con số, tỷ lệ, tỷ suất, tỷ số... được tính toán thông qua việc thu thập, phân tích số liệu.

- Thang điểm rủi ro: là khung điểm số được xây dựng và áp dụng đối với các chỉ số tiêu chí. Thang điểm áp dụng đối với Bộ tiêu chí lựa chọn đối tượng người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro để phục vụ công tác quản lý, sử dụng hóa đơn của người nộp thuế là thang điểm 10. Trong đó, mức điểm rủi ro cao nhất là 10 và mức điểm rủi ro thấp nhất là 1.

- Điểm số rủi ro: là số điểm cụ thể được gắn với từng chỉ số tiêu chí theo mức độ rủi ro của chỉ số tiêu chí đó và trên cơ sở thang điểm rủi ro.

- Trọng số: là hệ số theo tiêu chí, được sử dụng để đánh giá mức độ trọng yếu của tiêu chí đối với kết quả đánh giá, phân loại rủi ro của người nộp thuế.

- Hạng rủi ro: là kết quả xác định dấu hiệu rủi ro sau cùng của NNT trên cơ sở tổng điểm rủi ro, NNT được xếp theo ba hạng tương ứng với các dấu hiệu rủi ro là: cao, trung bình và thấp.

- Ngưỡng rủi ro: là khoảng điểm cụ thể được ban hành dựa trên tổng số điểm rủi ro của doanh nghiệp hoặc số % doanh nghiệp theo danh sách được phân loại tính từ doanh nghiệp có điểm rủi ro cao nhất đến doanh nghiệp có điểm rủi ro thấp nhất. Ngưỡng rủi ro sử dụng để phân loại rủi ro đối với tất cả doanh nghiệp được đánh giá.

- Ứng dụng quản lý rủi ro: là hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin do Tổng cục Thuế xây dựng để thu thập thông tin, tự động đánh giá, phân loại rủi ro đối với người nộp thuế trên cơ sở Bộ tiêu chí và chỉ số lựa chọn NNT có dấu hiệu rủi ro để rà soát, kiểm tra và đưa ra biện pháp quản lý phù hợp.

- Thời điểm đánh giá: là thời điểm thực hiện phân tích thông tin đánh giá rủi ro NNT.

- Năm đánh giá: là năm chọn các thông tin dữ liệu để thực hiện phân tích.

- Bộ phận kiểm tra hóa đơn bao gồm: phòng kiểm tra thuộc Cục Thuế, đội kiểm tra thuộc Chi cục Thuế, phòng quản lý ấn chỉ hoặc bộ phận quản lý ấn chỉ thuộc Cục Thuế và bộ phận quản lý ấn chỉ thuộc Chi cục Thuế; Bộ phận chủ trì kiểm tra hóa đơn do Thủ trưởng cơ quan thuế quyết định.

- Bộ phận quản lý rủi ro: gồm Ban Quản lý rủi ro trực thuộc Tổng cục Thuế; đối với các Cục Thuế, Chi cục Thuế chưa có đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro phải giao 01 bộ phận kiểm tra, thanh tra làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro tại Cục Thuế, Chi cục Thuế.

- QLRR: Quản lý rủi ro

- CNTT: Công nghệ thông tin

- NNT: Người nộp thuế

Phần II

NỘI DUNG QUY TRÌNH

1. Thu thập, xử lý thông tin

1.1. Thu thập thông tin về người nộp thuế từ cơ sở dữ liệu ngành thuế

- Hồ sơ đăng ký thuế.

- Hồ sơ khai thuế, hồ sơ quyết toán thuế.

- Báo cáo tài chính doanh nghiệp.

- Thông tin về tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn của người nộp thuế

- Thông tin về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của người nộp thuế.

- Thông tin về việc chấp hành pháp luật về thuế của người nộp thuế.

- Thông tin về thanh tra, kiểm tra người nộp thuế.

1.2. Thu thập, xử lý, cập nhật thông tin dữ liệu về người nộp thuế từ các nguồn thông tin bên ngoài

- Cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế của các cơ quan thuộc ngành Tài chính như: Hải quan và Kho bạc Nhà nước; Thanh tra tài chính; Uỷ ban chứng khoán; Cục quản lý giá...

- Dữ liệu, thông tin của các cơ quan khác có liên quan:

+ Kiểm toán Nhà nước; Thanh tra chính phủ; Ngân hàng Nhà nước.

+ Từ các cơ quan quản lý thuộc Bộ, ngành, hiệp hội ngành nghề kinh doanh...

+ Thông tin từ các cơ quan truyền thông phát thanh, truyền hình, báo chí, thông tin từ đơn tố cáo trốn thuế, gian lận thuế ...

+ Thông tin từ các cơ quan quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài theo các điều ước quốc tế.

+ Các nguồn thông tin chính thức khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Xử lý thông tin chưa được cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thuế

Các bộ phận, đơn vị chức năng có trách nhiệm thực hiện thu thập, xử lý, cập nhật thông tin như sau:

- Thông tin do Tổng cục Hải quan cung cấp theo Quy chế trao đổi thông tin và phối hợp công tác giữa Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thuế. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin do Tổng cục Hải quan cung cấp, Ban QLRR hoặc đơn vị được Tổng cục giao có trách nhiệm rà soát, chuyển/nhập thông tin, dữ liệu vào ứng dụng quản lý rủi ro (Mẫu số 01/TTHQ-QLRR).

- Đối với các thông tin xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hành vi trốn thuế, gian lận thuế, thông tin xử lý đối với hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, gian lận thương mại do cơ quan chức năng chuyển đến (theo thẩm quyền xử lý vi phạm); thông tin về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin xử lý vi phạm do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xử lý vi phạm chuyển đến, Bộ phận KK&KTT tại cơ quan Thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp có trách nhiệm rà soát, nhập thông tin vào ứng dụng QLRR (Mẫu số 02/TTK-QLRR).

- Lãnh đạo phụ trách bộ phận thu thập, xử lý, cập nhật thông tin tại điểm 2 này có trách nhiệm xác nhận kết quả thu thập, xử lý thông tin do công chức bộ phận thu thập đề xuất.

1.4. Đánh giá, điều chỉnh dữ liệu

Bộ phận quản lý rủi ro tại cơ quan thuế trước khi tiến hành sử dụng các dữ liệu thu thập để phân tích thông tin thực hiện kiểm tra các nguồn dữ liệu đã được cập nhật đầy đủ trên ứng dụng.

Dữ liệu thực hiện rà soát là các chỉ tiêu dữ liệu liên quan đến Bộ tiêu chí đánh giá rủi ro chính thức đã được thiết lập.

Sử dụng chức năng rà soát dữ liệu tại ứng dụng quản lý rủi ro để rà soát dữ liệu trước khi đánh giá rủi ro. Chức năng sẽ tự động đưa ra các danh sách:

- Danh sách người nộp thuế nhập dữ liệu không đầy đủ (Mẫu số 03/ĐCDL-QLRR).

- Danh sách người nộp thuế kê khai sai (Mẫu số 04/ĐCDL-QLRR).

Trường hợp cần sửa đổi, điều chỉnh thông tin phục vụ đánh giá rủi ro, bộ phận quản lý rủi ro thực hiện lập và chuyển yêu cầu sửa đổi, điều chỉnh thông tin đến các bộ phận liên quan để kiểm tra cập nhập thông tin hoặc điều chỉnh lại dữ liệu (Mẫu số 05/ĐCDL-QLRR).

Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi, điều chỉnh thông tin, bộ phận liên quan có trách nhiệm đối chiếu và nhập bổ sung các yêu cầu sửa đổi, điều chỉnh mà bộ phận Quản lý rủi ro chuyển đến, đồng thời chuyển lại danh sách đã xác nhận cho Bộ phận quản lý rủi ro được giao nhiệm vụ phân tích rủi ro.

Việc sửa đổi, điều chỉnh thông tin khai thác trên cơ sở dữ liệu ngành thuế được thực hiện theo các Quy trình hiện hành do Tổng cục Thuế ban hành. Công chức thuế có trách nhiệm thu thập thông tin trình Lãnh đạo bộ phận phê duyệt về việc sửa đổi, điều chỉnh thông tin theo mẫu số 06/ĐCDL-QLRR.

Ứng dụng QLRR lưu kết quả, nội dung, thời gian đề xuất, thời gian phê duyệt, thời gian cập nhật các lần sửa đổi, điều chỉnh thông tin.

1.5. Trách nhiệm thu thập, xử lý, cập nhật, khai thác sử dụng thông tin

Việc thu thập, xử lý, cập nhật các thông tin về người nộp thuế vào cơ sở dữ liệu ngành thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy trình quản lý thuế hiện hành.

Bộ phận quản lý rủi ro tại cơ quan thuế thực hiện khai thác thông tin dữ liệu về người nộp thuế từ các nguồn thông tin nêu trên để phục vụ công tác áp dụng quản lý rủi ro trong phân tích thông tin đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn.

2. Sử dụng Bộ tiêu chí đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn.

Bộ tiêu chí và chỉ số phân tích thông tin đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn ban hành theo Quyết định số 253/QĐ-BTC ngày 20/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được áp dụng thống nhất tại cơ quan thuế các cấp để đưa ra danh sách các doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro. Trường hợp có sự thay đổi thì áp dụng theo Bộ tiêu chí mới ban hành.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý theo từng thời kỳ, trong phạm vi được giao, Tổng cục Thuế có thể ban hành bổ sung các tiêu chí, chỉ số ngoài các tiêu chí, chỉ số ban hành theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ban Quản lý rủi ro chủ trì phối hợp với các Vụ/đơn vị, Cục Thuế nghiên cứu, tham mưu trình Tổng cục Thuế ban hành hoặc trình Bộ Tài chính ban hành các tiêu chí, chỉ số quản lý rủi ro đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong từng thời kỳ.

Cục Công nghệ thông tin thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm hỗ trợ cập nhật các tiêu chí, chỉ số do Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế ban hành trên Ứng dụng QLRR.

3. Đánh giá, phân loại doanh nghiệp

3.1. Quy định chung về việc đánh giá, phân loại

- Việc đánh giá, phân loại doanh nghiệp và lựa chọn người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn được thực hiện tự động trên Ứng dụng QLRR của ngành thuế và theo từng Cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp.

- Việc đánh giá, phân loại doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở thông tin quản lý rủi ro được cập nhật trên Ứng dụng QLRR tại thời điểm đánh giá và các tiêu chí, chỉ số phân tích thông tin đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn do Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế ban hành.

- Việc đánh giá, phân loại doanh nghiệp được thực hiện định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Trừ trường hợp doanh nghiệp qua đánh giá phân loại thuộc danh sách doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao nhưng khi thực hiện rà soát, kiểm tra thực tế lại không phát sinh hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hành vi vi phạm về hóa đơn sẽ được tiếp tục đưa vào đánh giá, phân loại sau thời hạn 1 năm kể từ khi có kết quả kiểm tra theo quy trình kiểm tra hóa đơn hiện hành.

3.2. Xây dựng ngưỡng rủi ro

- Ban QLRR chủ trì, phối hợp với các Vụ/đơn vị chức năng xây dựng, trình Tổng cục quyết định ngưỡng rủi ro làm căn cứ phân loại rủi ro của doanh nghiệp theo 3 hạng: rủi ro cao, rủi ro trung bình, rủi ro thấp.

- Ngưỡng rủi ro được điều chỉnh, ban hành theo yêu cầu quản lý từng thời kỳ.

- Cục CNTT hỗ trợ thực hiện cập nhật ngưỡng rủi ro được ban hành vào Ứng dụng QLRR.

3.3. Đánh giá, phân loại doanh nghiệp

Ngày 25 hàng tháng, Ứng dụng QLRR thực hiện đánh giá, phân loại doanh nghiệp tuần tự qua các bước sau:

Bước 1: Lọc các doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu dưới 15 tỷ đồng và có một trong các dấu hiệu được quy định tại khoản 2 điều 11 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để đưa ra danh sách doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao theo mẫu số 07/DNRR-QLRR

Bước 2: Chấm điểm rủi ro của doanh nghiệp (trừ các doanh nghiệp đã thuộc vào danh sách ở bước 1) trên cơ sở bộ tiêu chí, chỉ số đã được thiết lập. Ứng dụng sẽ tự động tính điểm rủi ro của từng người nộp thuế theo từng tiêu chí và xác định tổng điểm rủi ro của các tiêu chí. Căn cứ ngưỡng rủi ro đã được phê duyệt và tổng điểm rủi ro của doanh nghiệp, Ứng dụng QLRR phân loại doanh nghiệp theo 3 hạng: Rủi ro cao, rủi ro trung bình, rủi ro thấp. Danh sách doanh nghiệp rủi ro được lập theo mẫu số 08/HRR-QLRR.

3.4. Xử lý kết quả đánh giá, phân loại doanh nghiệp

- Lãnh đạo cơ quan thuế (có thể ủy quyền cho trưởng Bộ phận quản lý rủi ro) thực hiện phê duyệt kết quả nhận dạng doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao (Bước 1) và kết quả phân loại mức độ rủi ro của doanh nghiệp (Bước 2) được thực hiện tại điểm 3 nêu trên.

- Chậm nhất là ngày 28 hàng tháng, bộ phận quản lý rủi ro chuyển đến bộ phận kiểm tra hóa đơn kết quả nhận dạng doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao và kết quả phân loại mức độ rủi ro của doanh nghiệp đã được phê duyệt nêu trên để phục vụ công tác rà soát, kiểm tra thực tế việc in, phát hành và sử dụng hóa đơn, lập danh sách doanh nghiệp có rủi ro cao theo quy trình kiểm tra hóa đơn hiện hành.

4. Báo cáo kết quả thực hiện công tác áp dụng quản lý rủi ro trong việc đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn.

Định kỳ 6 tháng, một (01) năm cơ quan thuế cấp dưới có trách nhiệm tổng hợp kết quả công tác áp dụng quản lý rủi ro trong việc đánh giá người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn để báo cáo cơ quan thuế cấp trên. Báo cáo gồm:

- Báo cáo chi tiết tần suất phát sinh các tiêu chí, chỉ số, dấu hiệu nhận diện rủi ro của từng Cơ quan Thuế cho cơ quan thuế cấp trên theo mẫu số 09/BCĐG-QLRR và mẫu số 10/BCĐG-QLRR.

- Lập phiếu đề xuất xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, huỷ bỏ áp dụng tiêu chí, chỉ số (nếu có) thực hiện theo mẫu số 11/BSTC-QLRR (Phiếu đề xuất này làm cơ sở để Tổng cục tham khảo nhằm xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, huỷ bỏ bộ tiêu chí, chỉ số cũng như các quy định liên quan đến việc áp dụng QLRR).

- Báo cáo đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng QLRR trong công tác đánh giá, lựa chọn người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong việc tạo, in, phát hành và sử dụng hóa đơn.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban quản lý rủi ro chủ trì phối hợp với Vụ Tài vụ Quản trị Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo triển khai thực hiện quy trình này.

2. Lãnh đạo cơ quan Thuế các cấp chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện theo quy trình này; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình của các đơn vị thuộc quyền; thực hiện khen thưởng, kỷ luật theo chế độ quy định đối với các tập thể, cá nhân thực hiện tốt hoặc có các sai phạm trong việc thực hiện quy trình.

3. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các Vụ/đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phản ánh, báo cáo kịp thời về Tổng cục Thuế (qua Ban quản lý rủi ro) để xem xét giải quyết./.

ĐƠN VỊ:....

Mẫu số 01/TTHQ-QLRR

Mẫu biểu thu thập thông tin từ Tổng cục Hải quan

1- Danh sách xếp hạng rủi ro doanh nghiệp của Tổng cục Hải quan

STT	Thông tin	Ràng buộc	Ghi chú
Thông tin chung			
1	Số công văn	Nhập số công văn Tổng cục Hải quan gửi Tổng cục Thuế có kèm theo danh sách hạng rủi ro.	
2	Số Quyết định	Nhập số Quyết định ban hành danh sách hạng rủi ro cấp Tổng cục Hải quan	
3	Ngày Quyết định	Nhập ngày Quyết định ban hành danh sách hạng rủi ro cấp Tổng cục Hải quan. Định dạng: dd/mm/yyyy	
4	Ngày xếp hạng	Nhập ngày xếp hạng. Định dạng: dd/mm/yyyy	
5	Hạng	Nhập hạng rủi ro. Cho chọn từ 1 đến 7	
Thông tin chi tiết Danh sách hạng rủi ro cấp Tổng cục đối với doanh nghiệp			
1	Mã doanh nghiệp	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp được xếp hạng	
2	Số thứ tự	Nhập số thứ tự doanh nghiệp được xếp hạng rủi ro.	

2- Danh sách doanh nghiệp không tuân thủ

STT	Thông tin	Ràng buộc	Ghi chú
Thông tin chung			
1	Số công văn	Nhập số công văn Tổng cục Hải quan gửi Tổng cục Thuế có kèm theo danh sách doanh nghiệp không tuân thủ.	
2	Số Quyết định	Nhập số Quyết định ban hành danh sách doanh nghiệp không tuân thủ.	

3	Ngày Quyết định	Nhập ngày Quyết định ban hành danh sách doanh nghiệp không tuân thủ. Định dạng: dd/mm/yyyy	
4	Ngày thực hiện đánh giá doanh nghiệp không tuân thủ	Nhập ngày thực hiện đánh giá doanh nghiệp không tuân thủ. Định dạng: dd/mm/yyyy	
Thông tin chi tiết danh sách doanh nghiệp không tuân thủ			
1	Mã doanh nghiệp	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp được đánh giá là không tuân thủ.	
2	Tên doanh nghiệp	Tên doanh nghiệp được lấy từ hệ thống quản lý thông tin NNT của cơ quan thuế thông qua mã số thuế của doanh nghiệp.	
3	Địa chỉ doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp doanh nghiệp được lấy từ hệ thống quản lý thông tin NNT của cơ quan thuế thông qua mã số thuế của doanh nghiệp.	

3- Thông tin xử lý vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại

STT	Thông tin	Ràng buộc	Ghi chú
Thông tin chung			
1	Số công văn	Nhập số công văn Tổng cục Hải quan gửi Tổng cục Thuế có kèm theo danh sách xử lý vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại.	
2	Số Quyết định	Nhập số Quyết định ban hành danh sách xử lý vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại.	
3	Ngày Quyết định	Nhập ngày Quyết định ban hành danh sách xử lý vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại. Định dạng: dd/mm/yyyy	
4	Từ ngày	Nhập ngày bắt đầu thực hiện kết xuất thông tin xử lý vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại. Định dạng: dd/mm/yyyy	
5	Đến ngày	Nhập ngày kết thúc thực hiện kết xuất thông tin xử lý vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại. Định dạng: dd/mm/yyyy	

Thông tin chi tiết xử lý vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại			
1	Mã hồ sơ	Nhập mã số hồ sơ xử lý vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại	
2	Mã đơn vị (Mã số thuế DN)	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp bị xử lý vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại	
3	Tên doanh nghiệp	Tên doanh nghiệp được lấy từ hệ thống quản lý thông tin NNT của cơ quan thuế thông qua mã số thuế của doanh nghiệp.	
4	Địa chỉ doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp doanh nghiệp được lấy từ hệ thống quản lý thông tin NNT của cơ quan thuế thông qua mã số thuế của doanh nghiệp.	
5	Số quyết định	Nhập số quyết định xử lý doanh nghiệp vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại do hệ thống tự sinh.	
6	Số quyết định giấy	Nhập số quyết định xử lý doanh nghiệp vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại do Tổng cục Hải quan ký ban hành.	
7	Ngày quyết định giấy	Nhập ngày Tổng cục Hải quan ký ban hành quyết định xử lý doanh nghiệp vi phạm về buôn lậu và gian lận thương mại. Định dạng: dd/mm/yyyy.	
8	Người ký quyết định	Nhập tên người ký quyết định xử lý vi phạm.	
9	Hình thức xử phạt	Nhập hình thức xử phạt bằng cách cho lựa chọn từ danh mục hình thức xử phạt.	
10	Hành vi vi phạm	Nhập hành vi vi phạm bằng cách cho lựa chọn từ danh mục hành vi vi phạm.	

ĐƠN VỊ:.... *Mẫu số 02/TTK-QLRR*

MẪU THU THẬP THÔNG TIN KHÁC

(Thông tin xử lý vi phạm về thuế của cơ quan có thẩm quyền; xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán)

STT	Thông tin	Ràng buộc	Ghi chú
Thông tin chung			
1	Tên doanh nghiệp	Tên DN bị xử lý vi phạm	
2	Mã doanh nghiệp	Nhập mã số thuế của doanh nghiệp bị xử lý vi phạm	
Thông tin chi tiết			
1	Cơ quan ra QĐ xử lý VPHC	Tên cơ quan ra QĐ xử lý vi phạm hành chính	
2	Ngày tiếp nhận QĐ	Nhập ngày công văn đến	
3	Số Quyết định	Nhập số trên QĐ xử lý	
4	Ngày ra Quyết định	Nhập ngày ra QĐ xử lý	
5	Hành vi vi phạm	Nhập lý do xử lý vi phạm trên QĐ theo quy định tại Điều..., Khoản...tại Nghị định số..., hoặc Thông tư số...	
6	Tổng số tiền phạt:		
	- Hành vi trốn thuế, gian lận thuế	Nhập số tiền phạt trên QĐ	
	- Hành vi khai sai	Nhập số tiền phạt trên QĐ	
	- Hành vi VPHC về thuế khác; hành vi vi phạm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán	Nhập số tiền phạt trên QĐ	

Ngày/tháng/năm... *(ngày tháng nhập thông tin trên hệ thống QLRR)*

CÔNG CHỨC THU THẬP **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THUẾ**

CỤC THUẾ TỈNH/TP...
CHI CỤC THUẾ....

Mẫu số: 03/ĐCDL-QLRR

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ NHẬP DỮ LIỆU KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Tháng phân tích:

Loại dữ liệu: Báo cáo tài chính, hồ sơ khai thuế....

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Trạng thái	Ngành nghề	Loại hình kinh tế	Dữ liệu nhập thiếu - Tiêu chí 1			Dữ liệu nhập thiếu - Tiêu chí N		
						Chỉ số 1	Chỉ số 2	...	Chỉ số 1	Chỉ số 2	...
1											
2											
3											
4											
5											
...											

CỤC THUẾ TỈNH/TP....
CHI CỤC THUẾ....

Mẫu số: 04/ĐCDL-QLRR

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ KÊ KHAI SAI

Năm phân tích:

Loại dữ liệu: Báo cáo tài chính, hồ sơ khai thuế....

STT	Mã số thuế	Tên NNT	Trạng thái	Ngành nghề	Loại hình kinh tế	Dữ liệu khai sai - Tiêu chí 1			Dữ liệu khai sai - Tiêu chí N		
						Chỉ số 1	Chỉ số 2	...	Chỉ số 1	Chỉ số 2	...
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
...											

CỤC THUẾ TỈNH/TP...
CHI CỤC THUẾ...

Mẫu số: 05/ĐCDL-QLRR

PHIẾU YÊU CẦU SỬA ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN QUẢN LÝ RỦI RO

1. Tên doanh nghiệp:
2. Mã số thuế:
3. Ngày tháng thu thập thông tin: .../.../...
4. Loại thông tin cần sửa đổi, điều chỉnh:
5. Lý do sửa đổi, điều chỉnh thông tin:

Ngày đề xuất: .../.../...
CÔNG CHỨC ĐỀ XUẤT

Ngày phê duyệt: .../.../...
LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

CỤC THUẾ TỈNH/TP...
CHI CỤC THUẾ...

Mẫu số: 06/ĐCDL-QLRR

PHIẾU ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN QUẢN LÝ RỦI RO

1. Tên doanh nghiệp:
2. Mã số thuế:
3. Ngày tháng thu thập thông tin: .../.../...
4. Loại thông tin cần sửa đổi, điều chỉnh:
5. Lý do sửa đổi, điều chỉnh thông tin:

.....
.....
.....

6. Nội dung thông tin cần sửa đổi, điều chỉnh:

.....
.....
.....

Ngày đề xuất: .../.../...
CÔNG CHỨC ĐỀ XUẤT

Ngày phê duyệt: .../.../...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN THUẾ

Ngày cập nhật: .../.../...
CÔNG CHỨC CẬP NHẬT

CỤC THUẾ TỈNH/TP…
CHI CỤC THUẾ…

Mẫu số: 07/DNRR-QLRR

DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP
CÓ DẤU HIỆU RỦI RO THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 39/2014/TT-BTC
Tháng … năm…

TT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Địa chỉ	Các dấu hiệu rủi ro	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	Cty A				
2	Cty B				
	…				

Cột (5) – Các dấu hiệu rủi ro được quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC.

CÔNG CHỨC LẬP **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

CỤC THUẾ TỈNH/TP...

Mẫu số: 08/HRR-QLRR

DANH SÁCH XẾP HẠNG RỦI RO DOANH NGHIỆP

Tháng ...năm...

STT	Tên doanh nghiệp	Mã số thuế	Hạng rủi ro	Tổng điểm rủi ro	Số tiêu chí/ chỉ số có điểm rủi ro	Điểm số tiêu chí/chỉ số																				Ghi chú
						Tiêu chí 1			Tiêu chí 2						Tiêu chí 3			Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	Tiêu chí 7				Tiêu chí 8		
						C/s 1	C/s 2	C/s 3	C/s 4	C/s 5	C/s 6	C/s 7	C/s 8	C/s 9	C/s 10	C/s 11	C/s 12	C/s 13	C/s 14	C/s 15	C/s 16	C/s 17	C/s 18	C/s 19	C/s 20	C/s 21	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*12*	*13*	*14*	*15*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
I	VP Cục Thuế																										
1																											
2																											
	...																										
II	Chi cục Thuế A																										
1	..																										

Cột (4) - Sắp xếp theo thứ tự: hạng Rủi ro cao (H), Rủi ro trung bình (M), Rủi ro thấp (L)

CÔNG CHỨC LẬP

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

CỤC THUẾ TỈNH/TP...

Mẫu số: 09/BCĐG-QLRR

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU NHẬN DIỆN DOANH NGHIỆP THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 39/2014/TT-BTC

Tháng ...năm...

STT	Cơ quan thuế	Tổng số doanh nghiệp thực hiện rà soát, kiểm tra thực tế trong tháng	Tần suất phát sinh các dấu hiệu nhận diện doanh nghiệp rủi ro theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC							Ghi chú
			a. Không có quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp các cơ sở vật chất ...	b. Doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khai thác đất, đá, cát, sỏi.	c. Doanh nghiệp có giao dịch qua ngân hàng đáng ngờ.	d. Doanh nghiệp có doanh thu từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho...	đ. Doanh nghiệp không thực hiện kê khai thuế theo quy định...	e. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị khởi tố về tội trốn thuế,...	g. Doanh nghiệp đang sử dụng hóa đơn tự in, đặt in có sự thay đổi địa chỉ...	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*10*
1	VP Cục Thuế	20	2	10						
2	Chi cục Thuế A	15	3	..						
3	Chi cục Thuế B	...	...	..						
	...									
	Tổng cộng									

CÔNG CHỨC LẬP

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

CỤC THUẾ TỈNH/TP...

Mẫu số: 10/BCĐG-QLRR

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ BỘ TIÊU CHÍ

Tháng ...năm...

STT	Cơ quan thuế	Tổng số DN thực hiện rà soát, kiểm tra thực tế trong tháng	Tần suất phát sinh các tiêu chí/chỉ số (theo thực tế rà soát, kiểm tra)																				Ghi chú
			Tiêu chí 1			Tiêu chí 2						Tiêu chí 3			Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	Tiêu chí 7				Tiêu chí 8		
			C/s 1	C/s 2	C/s 3	C/s 4	C/s 5	C/s 6	C/s 7	C/s 8	C/s 9	C/s 10	C/s 11	C/s 12	C/s 13	C/s 14	C/s 15	C/s 16	C/s 17	C/s 18	C/s 19	C/s 20	C/s 21	
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*
1	VP Cục Thuế	150	60		...																			
2	Chi cục Thuế A	70	15	...																				
3	...																							
	Tổng cộng																							

CÔNG CHỨC LẬP **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**

CỤC THUẾ TỈNH/TP...
CHI CỤC THUẾ...

Mẫu số: 11/BSTC-QLRR

PHIẾU ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG, HỦY BỎ ÁP DỤNG TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ

1. Trường hợp áp dụng:

Xây dựng: ☐ Điều chỉnh: ☐ Bổ sung: ☐ Hủy bỏ: ☐

2. Tiêu chí, chỉ số, dấu hiệu đang áp dụng:

3. Nội dung tiêu chí cần xây dựng, điều chỉnh, bổ sung áp dụng:

- Mô tả nội dung tiêu chí:
- Nguồn dữ liệu:
- Phương pháp/công thức tính:
- Giá trị chỉ tiêu tiêu chí/chỉ số:
- Dự kiến điểm số:
- Dự kiến trọng số:

4. Nội dung tiêu chí cần hủy bỏ áp dụng:

Lý do hủy bỏ áp dụng:

5. Đề xuất kiến nghị khác:

....., ngày .../.../...

CÔNG CHỨC LẬP **LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**